

TỜ TRÌNH
Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính.

Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ¹; Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025², Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035 với một số nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2035

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Trong giai đoạn phát triển mới, Đảng và Nhà nước xác định rõ quan điểm chỉ đạo xuyên suốt: Phát triển nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội là ba trụ cột chiến lược để bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, nâng cao chất lượng sống của nhân dân, thu hẹp khoảng cách vùng miền và phát triển đất nước theo hướng bền vững. Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII nhấn mạnh: “*phát triển nông nghiệp sinh thái, nông dân chuyên nghiệp, nông thôn hiện đại*” là nhiệm vụ xuyên suốt trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời yêu cầu tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn.

¹ Thông báo số 339/TB-VPCP ngày 01/7/2025 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, Phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025.

² Quyết định số 105/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 22/7/2025 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương

Về các chính sách xã hội, Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 20/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khẳng định rõ định hướng “*xây dựng hệ thống chính sách xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững, hiệu quả, hướng tới người dân, lấy con người làm trung tâm phát triển*”. Đồng thời, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững, nhấn mạnh việc đổi mới toàn diện cách tiếp cận, phương pháp thực hiện, gắn với nâng cao năng lực tự chủ, phát triển con người và cộng đồng.

Việc hợp nhất hai chương trình thành một thể hiện quyết tâm chính trị cao trong tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm lồng ghép mục tiêu đa ngành, tăng cường phối hợp liên vùng, liên cấp và phát huy vai trò chủ thể của người dân. Đồng thời là khuôn khổ thực thi hiệu quả các nghị quyết chuyên đề quan trọng của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá trong khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Các nội dung như chuyển đổi số nông thôn, nâng cao chất lượng thể chế cấp cơ sở, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại nông thôn, kết nối vùng - thị trường - chuỗi giá trị... đều được tích hợp đầy đủ trong Chương trình.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử phạt vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; Sử dụng tài sản công;
- Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2025 của Quốc hội về giám sát chuyên đề "Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030";
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ);
- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Với sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương, sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là sự đồng lòng, hưởng ứng của mọi tầng lớp Nhân dân, cả 02 chương trình MTQG đã cơ bản đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ được giao giai đoạn 2021-2025:

a) Kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 (tính đến hết tháng 6/2025)

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đến cuối năm 2024 còn 1,93%, *(tỷ lệ đầu kỳ là 5,2%, bình quân giảm 1,03%/năm)*, đạt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao giảm từ 1,0-1,5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo cuối năm 2024 còn 24,86% *(tỷ lệ đầu kỳ là 44,97%, bình quân giảm 6,7%/năm)*, vượt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao giảm từ 4-5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số cuối năm 2024 còn 12,55% *(tỷ lệ đầu kỳ là 25,91%, bình quân giảm 4,45%/năm)*, đạt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao giảm từ 3,0%/năm; đến năm 2025, có 19 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn *(đạt 35%)* vượt mục tiêu Quốc hội, Chính phủ giao.

- Đến hết 30/6/2025, cả nước có 6.084/7.669 xã (79,3%) đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới *(tăng 10,6% so với cuối năm 2021 và cơ bản hoàn thành mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao)*; có 2.567 xã (42,4%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao *(tăng 2.064 xã so với cuối năm 2021, vượt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao)* và 743 xã (12,3%) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu *(tăng 700 xã so với cuối năm 2021, vượt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao)*. Cả nước có 329/646 đơn vị cấp huyện (51%) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới *(tăng 116 đơn vị so với cuối năm 2021, vượt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao)*, trong số các huyện đạt chuẩn nông thôn mới, có 48/240 huyện (20%) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao *(hoàn thành mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao)*; đối với cấp tỉnh, có 13 tỉnh, thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới *(đạt 87% mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao)*, về

thu nhập bình quân của người dân nông thôn, năm 2024 đạt 54 triệu đồng/người/năm (*tăng 1,3 lần so với năm 2020*).

Bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được, việc thực hiện 02 Chương trình vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc và thách thức cần phải tiếp tục giải quyết trong thời gian tới: Một số nơi tỷ lệ tái nghèo còn cao; tỷ lệ giải ngân vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, giải ngân vốn sự nghiệp còn thấp; một số nơi còn rủi ro tái nghèo; nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của một số cấp ủy đảng, chính quyền có nơi có lúc chưa đầy đủ; công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững của một số cấp ủy, chính quyền chưa thật sự sâu sát và đi vào thực chất, thiếu sự phân công theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thường xuyên; còn có những điểm nghẽn cần được giải quyết một cách căn cơ để đảm bảo sự phát triển bền vững và bao trùm cho khu vực nông thôn giai đoạn tiếp theo.

b) Kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững sau ngày 01/7/2025 theo định hướng giai đoạn 2026-2030

- Về hiện trạng giảm nghèo bền vững: Trường hợp áp dụng theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030³, dự kiến tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 11,7% và có khoảng 350 xã có tỷ lệ nghèo trên 50%.

- Về hiện trạng xây dựng NTM: Kết quả rà soát hiện trạng xây dựng NTM của các xã mới sau sáp nhập của các địa phương theo phương pháp “nhập cơ học xã + xã”⁴, cả nước có khoảng 1.719/2.621 xã mới (*chiếm 65,6%*) có khả năng đạt chuẩn NTM theo tiêu chí giai đoạn 2021-2025, trong đó, có 362 xã (21%) dự kiến có khả năng đạt chuẩn NTM nâng cao và 59 xã (3,4%) dự kiến có khả năng đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Đối chiếu với các quy định trong dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030, theo đánh giá của các địa phương, thì khoảng 65% số xã mới đủ điều kiện đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 có khả năng cơ bản sẽ hoàn thành đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2026-2030, trong đó, có khoảng 10% số xã được công nhận xã đạt NTM hiện đại.

Với những cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, cần thiết xây dựng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững (trên cơ sở tích hợp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành 01 Chương trình MTQG mới) trong 10 năm (giai đoạn 2026-2035), với mục tiêu hướng đến **“nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện**

³ Với tiêu chí thu nhập: khu vực đô thị là 2.800 nghìn đồng/người/tháng, khu vực nông thôn là 2.200 nghìn đồng/người/tháng.

⁴ **Xã đạt chuẩn NTM** (là thị trấn, xã đã đạt chuẩn NTM sáp nhập với xã đạt chuẩn NTM; hoặc sáp nhập với xã đạt chuẩn NTM nâng cao; hoặc sáp nhập với xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu). **Xã đạt NTM nâng cao** (là các xã NTM nâng cao nhập với xã đạt chuẩn NTM nâng cao; hoặc sáp nhập với xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu). **Xã đạt NTM kiểu mẫu** (là các xã NTM kiểu mẫu nhập với xã NTM kiểu mẫu). **Xã chưa đạt chuẩn NTM** (các xã chưa đạt chuẩn NTM nhập với thị trấn/hoặc sáp nhập với các xã đã đạt chuẩn NTM; hoặc sáp nhập với các xã đạt chuẩn NTM nâng cao; hoặc sáp nhập với các xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu).

đại, nông dân văn minh” và “giảm nghèo đa chiều, phát triển bao trùm” góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ của đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển, thịnh vượng, hùng cường của dân tộc.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Xác định rõ tầm quan trọng của Chương trình giai đoạn 2026-2035, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tập trung thực hiện các nội dung công việc sau:

1. Xây dựng chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035 theo quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; định hướng Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030.

2. Từ tháng 02/2025 đến tháng 7/2025, Bộ đã tổ chức lấy ý kiến của các đồng chí nguyên Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT, các chuyên gia, nhà khoa học, các địa phương tại 08 Hội thảo; lấy ý kiến góp ý dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030 tại 09 Hội thảo chuyên đề; đặc biệt, tiếp thu ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 02 Chương trình (*tổ chức ngày 22/6/2025 tại Trụ sở Chính phủ*), Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thiện dự thảo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2026-2035, gửi lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành trung ương và 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Ngày 18/8/2025, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã họp, cho ý kiến về kết quả thực hiện 02 chương trình (*xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững*), định hướng giai đoạn 2026-2035, trong đó, thống nhất chủ trương xây dựng và trình Quốc hội phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035.

4. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia bằng văn bản của 14/22 bộ, ngành trung ương và 33/34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2026-2035 theo quy định Luật Đầu tư công năm 2024 và Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (*Có Biểu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành trung ương và địa phương gửi kèm*).

5. Theo quy định tại Điều 20 Luật Đầu tư công năm 2024, ngày 27/8/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định⁵ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông

⁵ Được thành lập theo Quyết định số 3360/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035 (*Có Báo cáo thẩm định gửi kèm*).

6. Trên cơ sở tiếp thu toàn bộ các ý kiến của Hội đồng thẩm định tại cuộc họp thẩm định ngày 27/8/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, hoàn thiện Hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035.

IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035 (Sau đây gọi tắt là Chương trình)

2. Cơ quan chủ trì, quản lý Chương trình: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Địa điểm, phạm vi, quy mô thực hiện Chương trình

a) Địa điểm, phạm vi: Chương trình thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

b) Quy mô: Chương trình được thực hiện tại tất cả 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tất cả **2.621 xã, 687 phường** và **13 đặc khu**; tất cả các thôn (*thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc,...*) của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Đối tượng thụ hưởng của Chương trình

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn cả nước, trong đó, ưu tiên địa bàn nông thôn, xã nghèo.

5. Thời gian thực hiện Chương trình

Trong 10 năm, từ năm 2026 đến năm 2035, chia làm 02 giai đoạn: Giai đoạn 2026-2030: Triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra đến năm 2030. Giai đoạn 2031-2035: Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra đến năm 2035.

6. Mục tiêu

6.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, toàn diện, bền vững, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, bản sắc văn hóa và giá trị truyền thống. Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn góp phần thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp đa giá trị trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, phòng ngừa tái nghèo, tăng trưởng xanh, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ thiết yếu của người dân, xây dựng cuộc sống hạnh phúc; thu hẹp khoảng phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư; bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới. Hình

thành không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, văn minh, gắn kết, hạnh phúc; xây dựng nông dân văn minh, có tri thức, kỹ năng, sáng tạo; giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần tạo nền tảng phát triển bao trùm, ổn định và bền vững của đất nước.

6.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu cụ thể đến 2030

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 2,5-3 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm từ 1 đến 1,5%/năm, tỷ lệ nghèo đa chiều ở xã nghèo giảm ít nhất 3%/năm.

- Phấn đấu 100% số xã nghèo trên cả nước thoát khỏi tình trạng nghèo; có ít nhất 65% số xã đạt chuẩn NTM, (trong đó, có ít nhất 83% xã nhóm 1⁶, có 73% xã nhóm 2⁷, 48% xã nhóm 3⁸ đạt chuẩn NTM) theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030; có khoảng 10% số xã đạt chuẩn NTM được công nhận xã đạt NTM hiện đại theo khung thí điểm của trung ương và các tiêu chí cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

- Phấn đấu cả nước khoảng 04-05 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2035

- Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,6 lần so với năm 2030.

- Có ít nhất 85% số xã đạt chuẩn NTM (trong đó, 100% xã nhóm 1, ít nhất 92% xã nhóm 2 và ít nhất 70% xã nhóm 3 đạt chuẩn NTM), có khoảng 30% số xã đạt chuẩn NTM được công nhận xã đạt NTM hiện đại theo khung của trung ương và các tiêu chí cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

- Phấn đấu cả nước khoảng 10-12 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; phấn đấu có 4-5 tỉnh đạt nông thôn mới hiện đại.

7. Nội dung Chương trình (gồm 11 nhóm nội dung và 63 nhiệm vụ cụ thể)

- Nhóm nội dung 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định đảm bảo đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững (gồm 02 nội dung cụ thể).

⁶ Xã nhóm 1 là xã liên kết đô thị hiện hữu có định hướng phát triển thành đô thị, hoặc xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%, hoặc xã được định hướng là đô thị mới.

⁷ Xã nhóm 2 là xã không thuộc xã nhóm 1 và nhóm 3.

⁸ Xã nhóm 3 là xã nghèo, hoặc xã khu vực II và xã khu vực III thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nhóm nội dung 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (gồm 14 nội dung cụ thể).

- Nhóm nội dung 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và thích ứng với thị trường (gồm 09 nội dung cụ thể).

- Nhóm nội dung 04: Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn và hỗ trợ tạo việc làm bền vững (gồm 05 nội dung cụ thể).

- Nhóm nội dung 05: Phát triển toàn diện văn hóa, giáo dục, y tế, nâng cao chất lượng sống người dân (gồm 03 nội dung cụ thể).

- Nhóm nội dung 06: Giảm nghèo bền vững và An sinh xã hội (gồm 10 nội dung cụ thể).

- Nhóm nội dung 07: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn (gồm 02 nội dung cụ thể).

- Nhóm nội dung 08: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu (gồm 03 nội dung cụ thể).

- Nhóm nội dung 09: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững (gồm 07 nội dung cụ thể).

- Nhóm nội dung 10: Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng (gồm 03 nội dung cụ thể).

- Nhóm nội dung 11: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả các Phong trào xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững (gồm 04 nội dung cụ thể).

8. Tổng nguồn lực đầu tư Chương trình

Tổng nguồn lực dự kiến huy động để đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2035 là khoảng 12,35 triệu tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2026-2030, khoảng 4,93 triệu tỷ đồng, gồm: (1) Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp khoảng 180.000 tỷ đồng (chiếm 3,7%); (2) Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương các cấp (*tỉnh, xã*) khoảng 450.000 tỷ đồng (chiếm 9,1%); (3) Vốn lồng ghép từ các chương trình MTQG, các chương trình dự án khác trên địa bàn khoảng 400.000 tỷ đồng (chiếm 8,1%); (4) Vốn tín dụng khoảng 3.400.000 tỷ đồng (chiếm 69%); (5) Vốn doanh nghiệp và huy động đóng góp của người dân khoảng 500.000 tỷ đồng (chiếm 10,1%).

- Giai đoạn 2031-2035, khoảng 7,42 triệu tỷ đồng, trong đó: (1) Vốn ngân sách trung ương dự kiến khoảng 180.000 tỷ đồng (chiếm 2,4%); (2) Vốn ngân sách địa phương dự kiến khoảng 540.000 tỷ đồng (Chiếm 7,3%); (3) Vốn lồng ghép từ các chương trình MTQG, các chương trình, dự án khác dự kiến khoảng

500.000 tỷ đồng (chiếm 6,7%); (4) Vốn tín dụng dự kiến khoảng 5.400.000 tỷ đồng (chiếm 72,8%); (5) Vốn doanh nghiệp và huy động đóng góp của người dân khoảng 800.000 tỷ đồng (chiếm 10,8%).

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao cơ quan chủ trì tiến hành thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035 theo quy định.

DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM THEO

1. Tóm tắt nội dung Chương trình.
2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2035.
3. Báo cáo tổng kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
4. Báo cáo tổng kết Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.
5. Biểu tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, ngành trung ương và địa phương.
6. Báo cáo Hội đồng thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035.
7. Hồ sơ Dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo và kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./. *TĐ*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó TTg Thường trực CP Nguyễn Hòa Bình (để báo cáo);
- Phó TTgCP Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Thứ trưởng Võ Văn Hưng;
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ: Vụ KHTC, Vụ PC, VPQGGN;
- Lưu: VT, VPĐP.



Trần Đức Thắng